



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2019**



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp**

3700381324

ngày 8 tháng 8 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700381324 ngày 15 tháng 5 năm 2019. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Trần Quốc Trí
Ông Lý Văn Xuân
Ông Nguyễn Văn Luân
Ông Đinh Viết Duy

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm toán nội bộ

Ông Lê Vũ Nam
Ông Lê Đình Hạnh
Bà Đồng Thị Thanh Hằng

Trưởng ban
Phó ban
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Quốc Trí
Ông Hoàng Đức Huy
Ông Vũ Văn Thanh
Ông Nguyễn Minh Khoa
Ông Hồ Thanh Hiếu
Ông Trần Quốc Phẩm
Ông Nguyễn Ngọc Huy

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Trần Quốc Trí

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 9, Đại lộ Thống Nhất,
Khu Công nghiệp Sóng Thần II,
Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An,
Tỉnh Bình Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 59 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 12 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 59.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 12 năm 2018.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00214-19-2



Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2019

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		7.355.652.364.016	10.799.699.101.991
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	288.707.713.172	492.079.830.667
Tiền	111		288.564.191.297	459.271.022.774
Các khoản tương đương tiền	112		143.521.875	32.808.807.893
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		76.250.000.000	270.387.032
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(a)	76.250.000.000	270.387.032
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.339.263.670.053	2.118.733.369.445
Phải thu của khách hàng	131	9	1.049.450.621.720	1.650.639.947.525
Trả trước cho người bán	132	10	135.583.407.831	296.532.254.907
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	3.660.295.900
Phải thu ngắn hạn khác	136	11(a)	164.521.607.196	175.861.343.972
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(10.291.966.694)	(7.960.472.859)
Hàng tồn kho	140	12	4.547.528.637.193	6.606.994.466.635
Hàng tồn kho	141		4.599.379.745.104	6.647.686.173.500
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(51.851.107.911)	(40.691.706.865)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.103.902.343.598	1.581.621.048.212
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17(a)	99.299.504.104	97.836.059.166
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		997.416.186.710	1.453.616.036.730
Thuế phải thu Nhà nước	153	20(b)	7.186.652.784	30.168.952.316

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		9.869.786.099.023	10.455.122.959.627
Các khoản phải thu dài hạn	210		226.761.293.160	202.370.220.436
Phải thu dài hạn khác	216	11(b)	226.761.293.160	202.370.220.436
Tài sản cố định	220		8.642.006.807.601	8.124.639.435.592
Tài sản cố định hữu hình	221	13	8.186.719.713.839	7.671.670.211.535
Nguyên giá	222		13.134.211.874.310	11.563.782.152.097
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.947.492.160.471)	(3.892.111.940.562)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	14	214.042.830.281	140.153.363.491
Nguyên giá	225		237.020.532.992	236.206.835.834
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(22.977.702.711)	(96.053.472.343)
Tài sản cố định vô hình	227	15	241.244.263.481	312.815.860.566
Nguyên giá	228		294.601.902.380	355.069.152.380
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.357.638.899)	(42.253.291.814)
Tài sản dở dang dài hạn	240		576.452.872.180	1.512.774.341.255
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	576.452.872.180	1.512.774.341.255
Đầu tư tài chính dài hạn	250		17.000.000.000	98.957.678.001
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	8(b)	-	36.357.678.001
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	8(a)	17.000.000.000	62.600.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		407.565.126.082	516.381.284.343
Chi phí trả trước dài hạn	261	17(b)	365.534.127.666	475.698.024.116
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	42.030.998.416	40.683.260.227
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		17.225.438.463.039	21.254.822.061.618

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này


Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		11.757.157.277.389	16.103.196.342.693
Nợ ngắn hạn	310		8.767.419.669.924	12.637.507.361.815
Phải trả người bán	311	19	1.379.160.194.955	1.066.621.824.454
Người mua trả tiền trước	312		101.394.195.074	141.297.692.947
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20(a)	83.658.990.877	61.518.263.658
Phải trả người lao động	314		62.992.350.003	85.096.650.336
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	124.968.889.487	148.220.024.270
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	263.879.077.110	213.415.952.496
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23(a)	6.706.463.172.987	10.879.859.929.887
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	44.902.799.431	41.477.023.767
Nợ dài hạn	330		2.989.737.607.465	3.465.688.980.878
Phải trả dài hạn khác	337		709.500.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23(b)	2.986.131.853.215	3.461.976.547.378
Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	2.896.254.250	3.712.433.500
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.468.281.185.650	5.151.625.718.925
Vốn chủ sở hữu	410	26	5.468.281.185.650	5.151.625.718.925
Vốn cổ phần	411	27	4.234.694.890.000	3.849.903.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.234.694.890.000	3.849.903.280.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		151.583.183.521	151.583.183.521
Cổ phiếu quỹ	415		(2.459.000.000)	(1.343.000.000)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		55.626.670.135	60.509.750.556
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.021.280.774.551	1.055.058.327.742
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		659.928.641.536	645.824.289.820
- LNST chưa phân phối trong năm	421b		361.352.133.015	409.234.037.922
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		7.554.667.443	35.914.177.106
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		17.225.438.463.039	21.254.822.061.618

Ngày 20 tháng 12 năm 2019


Người lập


 Nguyễn Thị Thanh Tuyên
 Kế toán

Người duyệt


 Nguyễn Thị Ngọc Lan
 Kế toán trưởng




 Trần Quốc Trí
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2019

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	
			30/9/2019 VND	30/9/2018 VND (Đã phân loại lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	28.081.303.783.088	34.570.344.557.164
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	46.528.664.413	128.915.208.903
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	28.034.775.118.675	34.441.429.348.261
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	24.836.155.036.672	30.464.290.088.385
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		3.198.620.082.003	3.977.139.259.876
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	63.164.230.629	179.498.893.481
Chi phí tài chính	22	32	802.634.741.872	970.732.705.902
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>745.960.164.920</i>	<i>811.669.226.449</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24		-	514.000.092
Chi phí bán hàng	25	33	1.748.882.841.240	2.032.997.514.744
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	470.700.688.884	678.624.762.946
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		239.566.040.636	474.797.169.857
Thu nhập khác	31	35	253.166.267.295	56.900.222.229
Chi phí khác	32		30.663.011.810	2.512.931.184
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		222.503.255.485	54.387.291.045
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		462.069.296.121	529.184.460.902
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	102.045.530.564	95.720.855.600
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	(1.347.738.189)	24.297.904.363
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		361.371.503.746	409.165.700.939

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	
			30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60		361.371.503.746	409.165.700.939
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		361.352.133.015	409.234.037.922
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		19.370.731	(68.336.983)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	820	928

Ngày 20 tháng 12 năm 2019

Người lập


 Nguyễn Thị Thanh Tuyền
 Kế toán

Người duyệt


 Nguyễn Thị Ngọc Lan
 Kế toán trưởng


 Trần Quốc Trí
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày		
		30/9/2019 VND	30/9/2018 VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
	Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	462.069.296.121	529.184.460.902
	Điều chỉnh cho các khoản			
	Khấu hao và phân bổ	02	1.187.362.709.449	1.019.509.865.101
	Các khoản dự phòng	03	12.674.715.631	(22.226.292.468)
	Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.760.428.859	51.970.945.978
	Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(138.884.054.266)	(120.258.368.345)
	Chi phí lãi vay	06	745.960.164.920	811.669.226.449
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	2.270.943.260.714	2.269.849.837.617
	Biến động các khoản phải thu	09	1.207.687.182.269	(182.952.388.012)
	Biến động hàng tồn kho	10	2.048.306.428.396	2.250.342.628.951
	Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	389.709.901.418	(2.703.521.975.220)
	Biến động chi phí trả trước	12	109.444.425.707	(52.185.353.089)
			6.026.091.198.504	1.581.532.750.247
	Tiền lãi vay đã trả	14	(753.141.518.007)	(808.818.426.065)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(78.482.788.446)	(178.069.805.583)
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.390.811.230)	(94.659.631.874)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.181.076.080.821	499.984.886.725

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)


Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


Mã Thuyết số minh	Năm kết thúc ngày		
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.057.985.115.931)	(2.723.711.086.859)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	292.129.010.756	171.567.456.975
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(104.750.000.000)	(28.430.682.932)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn và bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	74.370.387.032	29.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(11.581.401.220)	(3.672.266.449)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	14.928.557.806	155.996.581.583
Tiền thu lãi tiền gửi	27	6.514.604.449	5.714.196.627
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(786.373.957.108)	(2.393.535.801.055)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(1.116.000.000)	(1.343.000.000)
Tiền thu từ đi vay	33	20.572.520.273.479	33.719.297.189.430
Tiền thu từ hợp đồng bán và thuê lại tài sản cố định là thuê tài chính	33	110.741.661.833	84.136.860.047
Tiền trả nợ gốc vay	34	(25.197.752.754.083)	(31.308.401.099.488)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(79.783.030.658)	(47.505.770.325)
Tiền trả cổ tức	36	(225.251.900)	(350.060.974.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.595.615.101.329)	2.096.123.205.164
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(200.912.977.616)	202.572.290.834
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	492.079.830.667	292.371.319.351
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(2.459.139.879)	(2.863.779.518)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	288.707.713.177	492.079.830.667

Ngày 20 tháng 12 năm 2019

Người lập

Người duyệt


 Nguyễn Thị Thanh Tuyên
 Kế toán


 Nguyễn Thị Ngọc Lan
 Kế toán trưởng


 Trần Quốc Trí
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “HSG” theo Quyết định Niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn, và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, Tập đoàn có 16 công ty con, 1 công ty liên kết (1/10/2018: 15 công ty con, 2 công ty liên kết), chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền sở hữu/ quyền biểu quyết	
		30/9/2019	1/10/2018
Công ty con			
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	Sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng kim loại và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhon Hội - Bình Định	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp kim loại.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	Sản xuất các sản phẩm thép dùng cho vật liệu xây dựng và tiêu dùng.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống và khu trung tâm thương mại.	95%	70%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen (*)	Cung cấp dịch vụ vận tải và xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.	-	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	Sản xuất sắt, thép và gang.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	Đầu tư cảng sông, cảng biển.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận (**)	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Xi măng Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận (**)	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.	100%	100%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền sở hữu/ quyền biểu quyết 30/9/2019 1/10/2018	
Công ty con (tiếp theo)			
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	Kinh doanh bất động sản và cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản.	99%	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.	95%	-
Công ty liên kết			
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	Kinh doanh bất động sản và cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản.	-	45%
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.	-	45%
▪ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen (**)	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.	49%	-

(*) Tại ngày 15 tháng 6 năm 2019, Tập đoàn đã hoàn tất việc đóng cửa Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen.

(**) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, Tập đoàn chưa góp vốn vào các công ty này. Các công ty này đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, Tập đoàn có 6.637 nhân viên (1/10/2018: 7.062 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.411.767 triệu VND (1/10/2018: 1.837.808 triệu VND). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này cơ bản tùy thuộc vào việc Tập đoàn có khả năng tạo ra đủ dòng tiền từ các hoạt động và vào khả năng Tập đoàn tiếp tục duy trì được các hạn mức tín dụng từ các tổ chức tín dụng nhằm giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tập đoàn trong một tương lai có thể dự kiến trước.

Ban Tổng Giám đốc đang thực hiện các kế hoạch tái cấu trúc để cải thiện tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cũng như tiếp tục tìm thêm các nguồn tài chính cần thiết.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc tin rằng Tập đoàn sẽ không thể tạo ra đủ dòng tiền từ các hoạt động hay Tập đoàn sẽ không được tiếp tục sử dụng các hạn mức tín dụng từ các tổ chức tín dụng.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9 năm sau.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 8 năm

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g) (ii).

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng là từ 14 đến 55 năm. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không được trích khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 6 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và mua máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tập đoàn không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí thuê

Chi phí thuê bao gồm tiền thuê kho trả trước cho việc sử dụng kho trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian của hợp đồng thuê từ 2 đến 3 năm.

(iii) Bảng hiệu quảng cáo

Bảng hiệu quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phản ánh chi phí sửa chữa và thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không thỏa mãn điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định. Chi phí sửa chữa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng tối đa 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các thuyết minh khác được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản tiền nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu giảm giá trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là mua bán tấm lợp bằng thép, ống thép, vật liệu xây dựng. Hoạt động khác là cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 và ngày 1 tháng 10 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 và ngày 30 tháng 9 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa vào vị trí địa lý của khách hàng như sau:

	Bộ phận chia theo khu vực địa lý		
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng VND
Năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019			
Doanh thu	19.382.187.270.908	8.652.587.847.767	28.034.775.118.675
Giá vốn	(16.503.791.346.217)	(8.332.363.690.455)	(24.836.155.036.672)
	2.878.395.924.691	320.224.157.312	3.198.620.082.003
Năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018			
Doanh thu	21.949.332.438.480	12.492.096.909.781	34.441.429.348.261
Giá vốn	(18.962.709.885.251)	(11.501.580.203.134)	(30.464.290.088.385)
	2.986.622.553.229	990.516.706.647	3.977.139.259.876

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Hợp nhất kinh doanh

(a) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn

Ngày 6 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn mua lại 54% vốn sở hữu của Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn (“Hoa Sen Quy Nhơn”), nâng tỷ lệ sở hữu tại Hoa Sen Quy Nhơn từ 45% lên 99% với giá mua 33.480 triệu VND. Hoạt động chính của Hoa Sen Quy Nhơn là kinh doanh bất động sản và cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản. Trong 10 tháng đến ngày 30 tháng 9 năm 2019, hoạt động kinh doanh được mua lại đã đóng góp 2.375 triệu VND lợi nhuận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	678.649.772	-	678.649.772
Các khoản phải thu – ngắn hạn	55.758.779.407	-	55.758.779.407
Tài sản ngắn hạn khác	320.338.282	-	320.338.282
Tài sản dở dang dài hạn	6.835.649.529	-	6.835.649.529
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	63.593.416.990	-	63.593.416.990
Giá trị tài sản thuần mua			34.340.445.175
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại			(860.445.175)
Khoản thanh toán cho việc mua lại			33.480.000.000
Khoản cần trừ công nợ			(27.590.000.000)
Khoản tiền thu được			(678.649.772)
Khoản tiền thanh toán thuần			5.211.350.228

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long

Ngày 6 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn mua lại 50% vốn sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long (“Hoa Sen Du Long”), nâng tỷ lệ sở hữu tại Hoa Sen Du Long từ 45% lên 95% với giá mua 17.350 triệu VND. Hoạt động chính của Hoa Sen Du Long là đầu tư, xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. Trong 10 tháng đến ngày 30 tháng 9 năm 2019, hoạt động kinh doanh được mua lại đã đóng góp 85 triệu VND lỗ vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.949.008	-	5.949.008
Các khoản phải thu – ngắn hạn	291.135.520	-	291.135.520
Hàng tồn kho	6.770.000	-	6.770.000
Tài sản dở dang dài hạn	21.318.139.102	-	21.318.139.102
Nợ phải trả ngắn hạn	(4.439.401.173)	-	(4.439.401.173)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	17.182.592.457	-	17.182.592.457
Giá trị tài sản thuần mua			8.591.296.229
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại (*)			8.758.703.771
Khoản thanh toán cho việc mua lại			17.350.000.000
Khoản cần trừ công nợ			(14.574.000.000)
Khoản tiền thu được			(5.949.008)
Khoản tiền thanh toán thuần			2.770.050.992

(*) Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại đã được phân bổ hết vào chi phí trong năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Giao dịch với cổ đông không kiểm soát

Mua thêm cổ phần của công ty con

Trong năm, Tập đoàn đã mua thêm 25% khoản đầu tư trong Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái (“Hoa Sen Yên Bái”) – một công ty con, nâng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn từ 70% lên 95%.

Tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của công ty con tại ngày mua thêm này được ghi nhận tại giá trị ghi sổ. Khoản chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại ngày mua thêm được ghi nhận vào lợi nhuận chưa phân phối.

	Hoa Sen Yên Bái VND
Tài sản thuần có thể xác định tại ngày mua thêm	119.495.776.747
Phần tài sản thuần mua thêm (Thuyết minh 26)	29.873.944.187
Thay đổi trong lợi nhuận chưa phân phối phát sinh từ việc mua thêm lợi ích vốn chủ sở hữu trong công ty con bởi Tập đoàn (Thuyết minh 26)	126.055.813
Giá mua	30.000.000.000
Khoản cần trừ công nợ	26.400.000.000
Khoản tiền thanh toán cho việc mua thêm cổ phần	3.600.000.000

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Tiền mặt	43.581.002.435	49.171.111.805
Tiền gửi ngân hàng	243.158.329.276	409.373.357.409
Tiền đang chuyển	1.824.859.586	726.553.560
Các khoản tương đương tiền (*)	143.521.875	32.808.807.893
	288.707.713.172	492.079.830.667

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm là 5% (1/10/2018: 5,3%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và dưới 12 tháng kể từ ngày cuối năm. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 5,3% đến 6,4% (1/10/2018: 5,3%).

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam phát hành (*)	16.000.000.000	16.000.000.000
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank phát hành (**)	1.000.000.000	-
Trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam phát hành (***)	-	46.600.000.000
	17.000.000.000	62.600.000.000

(*) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 10 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2% (1/10/2018: lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2%).

(**) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 7 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2%.

(***) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 10 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1% tại ngày 1 tháng 10 năm 2018. Trong năm, trái phiếu đã được thanh lý toàn bộ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/9/2019			1/10/2018		
	% vốn chủ sở hữu/quyền biểu quyết	Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	% vốn chủ sở hữu/quyền biểu quyết	Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào các công ty liên kết						
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	-	-	-	45%	27.900.000.000	28.616.923.317 (*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen (**)	49%	-	-	45%	15.615.000.000	7.740.754.684 (*)
					43.515.000.000	36.357.678.001

Trong năm, Tập đoàn tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn từ 45% lên 99% và tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long từ 45% lên 95% (Thuyết minh 5).

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 3502399898 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 5 tháng 7 năm 2019, theo đó Tập đoàn nắm giữ 49% quyền sở hữu. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, Tập đoàn vẫn chưa góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/9/2019	1/10/2018
	VND	VND
Isi Steel Co Ltd	134.835.130.364	-
Các khách hàng khác	914.615.491.356	1.650.639.947.525
	1.049.450.621.720	1.650.639.947.525

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 phải thu của khách hàng có giá trị ghi sổ là 570,000 triệu VND và nợ phải thu phát sinh từ bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu có giá trị 2.300.000 triệu VND (1/10/2018: 916.025 triệu VND nợ phải thu và 2.300.000 triệu VND nợ phải thu phát sinh từ bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23).

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/9/2019	1/10/2018
	VND	VND
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	19.800.000	1.485.707
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	13.384.000	132.000.000

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

10. Trả trước cho người bán

	30/9/2019	1/10/2018
	VND	VND
Glencore International AG	18.231.447.222	1.781.275.187
Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thép Vương	14.070.540.000	-
Công Ty Cổ phần Dịch Vụ & Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	19.484.483.231	26.464.971.539
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Kinex Việt Nam	14.348.431.632	49.006.592.130
Các nhà cung cấp khác	69.448.505.746	219.279.416.051
	135.583.407.831	296.532.254.907

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Tạm ứng để mua đất	45.462.225.000	90.183.227.000
Tạm ứng cho người lao động	43.061.645.310	28.855.016.820
Phải thu từ thanh lý công ty liên kết	-	15.665.290.474
Bồi thường và giải phóng mặt bằng	21.348.158.000	20.000.000.000
Ký quỹ ngắn hạn và đặt cọc thuê mặt bằng	48.608.966.594	8.524.361.473
Phải thu khác	6.040.612.292	12.633.448.205
	164.521.607.196	175.861.343.972

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	1.870.000.000	-
<i>Nhân sự chủ chốt</i>		
Ông Hoàng Đức Huy - Phó Tổng Giám đốc	45.462.225.000	91.550.690.256
	45.462.225.000	91.550.690.256

Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Đặt cọc thuê mặt bằng	222.016.729.000	202.093.222.150
Phải thu khác	4.744.564.160	276.998.286
	226.761.293.160	202.370.220.436

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/9/2019		1/10/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	677.285.188.372	-	58.359.200.302	-
Nguyên vật liệu	810.129.847.544	(3.196.773.239)	3.138.626.504.785	-
Công cụ và dụng cụ	674.389.686.696	-	762.604.260.869	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.817.698	-	17.520.962	-
Thành phẩm	1.904.587.813.297	(40.109.352.098)	2.094.837.111.880	(39.938.971.876)
Hàng hóa	532.982.391.497	(8.544.982.574)	593.241.574.702	(752.734.989)
	4.599.379.745.104	(51.851.107.911)	6.647.686.173.500	(40.691.706.865)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 2.488.159 triệu VND (1/10/2018: 2.774.903 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23).

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, có 172.695 triệu VND nguyên vật liệu, 484.357 triệu VND thành phẩm và 224.093 triệu VND hàng hóa (1/10/2018: 851.916 triệu VND thành phẩm và 24.239 triệu VND hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
Số dư đầu năm	40.691.706.865	26.950.234.865
Dự phòng trích lập trong năm	11.159.401.046	13.741.472.000
Số dư cuối năm	51.851.107.911	40.691.706.865

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.049.472.737.782	8.947.250.186.521	476.339.327.088	64.460.717.419	26.259.183.287	11.563.782.152.097
Tăng trong năm	36.363.205.893	214.559.535.277	347.612.588	10.643.278.948	1.177.861.800	263.091.494.506
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	383.047.350.683	1.184.723.608.438	17.238.507.532	-	-	1.585.009.466.653
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	138.806.529.152	14.966.420.583	-	-	153.772.949.735
Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn	(889.974.672)	(296.154.645)	-	-	-	(1.186.129.317)
Phân loại lại	(15.632.412.652)	15.632.412.652	-	-	-	-
Thanh lý	(5.513.475.901)	(324.216.756.474)	(95.958.446.428)	(537.099.646)	(386.670.164)	(426.612.448.613)
Xóa sổ	(36.799.182)	(3.350.811.569)	(258.000.000)	-	-	(3.645.610.751)
Số dư cuối năm	2.446.810.631.951	10.173.108.549.352	412.675.421.363	74.566.896.721	27.050.374.923	13.134.211.874.310
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	449.735.862.063	3.212.658.424.227	186.809.467.237	22.353.261.855	20.554.925.180	3.892.111.940.562
Khấu hao trong năm	120.917.422.413	949.644.475.395	48.968.188.447	11.474.322.997	1.200.180.204	1.132.204.589.456
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	102.791.815.515	5.579.023.254	-	-	108.370.838.769
Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn	(315.607.791)	(126.547.331)	-	-	-	(442.155.122)
Phân loại	(4.170.995.154)	4.170.995.154	-	-	-	-
Thanh lý	(3.070.528.326)	(138.643.435.814)	(40.662.272.171)	(65.288.131)	(300.658.121)	(182.742.182.563)
Xóa sổ	(5.009.091)	(1.942.156.746)	(63.704.794)	-	-	(2.010.870.631)
Số dư cuối năm	563.091.144.114	4.128.553.570.400	200.630.701.973	33.762.296.721	21.454.447.263	4.947.492.160.471
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.599.736.875.719	5.734.591.762.294	289.529.859.851	42.107.455.564	5.704.258.107	7.671.670.211.535
Số dư cuối năm	1.883.719.487.837	6.044.554.978.952	212.044.719.390	40.804.600.000	5.595.927.660	8.186.719.713.839

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 849.054 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 (1/10/2018: 724.651 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 6.821.624 triệu VND (1/10/2018: 6.375.966 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23).

14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	145.305.609.552	72.264.862.646	18.636.363.636	236.206.835.834
Tăng trong năm	145.026.646.893	9.560.000.000	-	154.586.646.893
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(138.806.529.152)	(14.966.420.583)	-	(153.772.949.735)
Số dư cuối năm	151.525.727.293	66.858.442.063	18.636.363.636	237.020.532.992
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	87.619.756.338	8.224.376.030	209.339.975	96.053.472.343
Khấu hao trong năm	21.653.782.476	11.777.650.298	1.863.636.363	35.295.069.137
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(102.791.815.515)	(5.579.023.254)	-	(108.370.838.769)
Số dư cuối năm	6.481.723.299	14.423.003.074	2.072.976.338	22.977.702.711
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	57.685.853.214	64.040.486.616	18.427.023.661	140.153.363.491
Số dư cuối năm	145.044.003.994	52.435.438.989	16.563.387.298	214.042.830.281

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	308.177.659.765	46.891.492.615	355.069.152.380
Thanh lý	(60.467.250.000)	-	(60.467.250.000)
Số dư cuối năm	247.710.409.765	46.891.492.615	294.601.902.380
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	34.162.595.531	8.090.696.283	42.253.291.814
Khấu hao trong năm	3.453.969.163	7.650.377.922	11.104.347.085
Số dư cuối năm	37.616.564.694	15.741.074.205	53.357.638.899
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	274.015.064.234	38.800.796.332	312.815.860.566
Số dư cuối năm	210.093.845.071	31.150.418.410	241.244.263.481

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 2.275 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 (1/10/2018: 2.275 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 105.350 triệu VND (1/10/2018: 124.649 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
Số dư đầu kỳ	1.512.774.341.255	1.333.535.754.767
Tăng từ hợp nhất kinh doanh trong năm	26.839.374.200	-
Tăng trong năm	708.346.021.883	2.364.471.899.263
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	(1.585.009.466.653)	(2.141.758.409.901)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(700.000.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(18.860.179.511)	(24.013.447.567)
Giảm khác (*)	(60.000.000.000)	-
Thanh lý	(476.066.951)	(2.527.857.414)
Chuyển công ty con sang công ty liên kết	-	(13.540.452.573)
Giải thể công ty con	(7.161.152.043)	(2.693.145.320)
Số dư cuối kỳ	576.452.872.180	1.512.774.341.255

- (*) Giảm khác thể hiện khoản ứng trước tiền cho người bán để mua quyền sử dụng đất trước đây tại nút giao IC12 Xã Minh Quân và Xã Bảo Hưng, Huyện Trấn Yên, Tỉnh Yên Bái theo Quyết định số 2014/STNMT-VPĐK ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái được thu hồi lại trong năm.

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Máy móc, thiết bị chờ lắp đặt	224.957.322.430	980.184.817.070
Xây dựng nhà máy	86.859.494.955	267.221.030.666
Xây dựng dự án Hoa Sen Yên Bái	219.694.039.271	215.065.609.415
Giải phóng mặt bằng dự án Hoa Sen Hà Nam	38.794.072.000	38.794.072.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	3.865.509.172	8.198.877.595
Khác	2.282.434.352	3.309.934.509
Tổng cộng	576.452.872.180	1.512.774.341.255

Trong năm chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 40.640 triệu VND, được xác định dựa trên tỷ lệ vốn hóa từ 5% đến 9% (năm kết thúc ngày 30/9/2018: 37.863 triệu VND, được xác định dựa trên tỷ lệ vốn hóa từ 5% đến 9%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Chi phí thuê	48.587.023.377	25.738.770.696
Chi phí quảng cáo	17.509.179.783	26.546.794.453
Công cụ và dụng cụ	18.409.533.006	22.823.742.673
Phí bảo hiểm	484.984.056	2.346.408.633
Chi phí sửa chữa	4.924.160.066	4.776.883.774
Chi phí tư vấn	640.750.877	2.765.970.828
Chi phí khác	8.743.872.939	12.837.488.109
	99.299.504.104	97.836.059.166

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Công cụ và dụng cụ	132.377.002.232	167.262.012.258
Chi phí thuê	71.457.221.006	117.850.134.718
Chi phí san lấp mặt bằng	78.277.621.218	79.954.996.131
Bảng hiệu quảng cáo	38.709.350.763	47.956.945.821
Chi phí sửa chữa	23.475.312.366	38.556.758.182
Chi phí khác	21.237.620.081	24.117.177.006
	365.534.127.666	475.698.024.116

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
Số dư đầu năm	475.698.024.116	412.307.081.315
Tăng trong năm	127.211.978.389	302.669.910.223
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	743.974.195	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	18.860.179.511	24.013.447.567
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(2.827.127.400)	-
Phân bổ trong năm	(241.251.667.989)	(235.325.662.702)
Thanh lý	(12.901.233.156)	(27.966.752.287)
	365.534.127.666	475.698.024.116

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:</i>		
▪ Lợi nhuận chưa thực hiện	21.926.066.092	16.452.678.151
▪ Chi phí phải trả	9.022.541.606	13.990.694.550
▪ Các khoản dự phòng	8.713.422.216	8.472.027.114
▪ Chênh lệch tỷ giá	559.610.798	714.348.043
▪ Khác	1.809.357.704	1.053.512.369
	<hr/> 42.030.998.416	<hr/> 40.683.260.227 <hr/>

19. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/9/2019 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/10/2018 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Tata Steel Limited	368.481.486.522	-
Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	22.869.689.975	199.152.165.080
Công ty TNHH Hangzhou Cogeneration (Hong Kong)	-	191.161.898.608
Các nhà cung cấp khác	987.809.018.458	676.307.760.766
	<hr/> 1.379.160.194.955	<hr/> 1.066.621.824.454 <hr/>

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/9/2019 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/10/2018 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	5.931.497.565	4.787.482.661
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	2.957.890.162	5.226.877.644
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước	Số phải nộp trong năm VND		Số đã nộp trong năm VND	Số đã cân trừ VND	Phân loại lại VND	30/9/2019 VND
	1/10/2018 VND	30/9/2018 VND				
Thuế giá trị gia tăng	55.517.778.045	8.557.555.275.448	(1.306.377.804.862)	(7.233.377.391.590)	3.305.017.004	76.622.874.045
Thuế xuất nhập khẩu	428.139.298	14.511.501.282	(14.849.390.749)	-	(11.902.459)	78.347.372
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.544.084.523	102.045.530.564	(78.482.788.446)	-	(23.012.686.601)	4.094.140.040
Thuế thu nhập cá nhân	2.024.109.408	14.545.815.337	(13.827.994.901)	-	43.648.986	2.785.578.830
Thuế khác	4.152.384	11.616.652.955	(11.541.395.291)	-	(1.359.458)	78.050.590
	61.518.263.658	8.700.274.775.586	(1.425.079.374.249)	(7.233.377.391.590)	(19.677.282.528)	83.658.990.877

(b) Thuế phải thu Nhà nước

Thuế xuất nhập khẩu	Phân loại VND		30/9/2019 VND
	1/10/2018 VND	30/9/2018 VND	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.902.459	(11.902.459)	-
Thuế thu nhập cá nhân	30.121.058.199	(23.012.686.601)	7.108.371.598
Thuế khác	34.632.200	43.648.986	78.281.186
	1.359.458	(1.359.458)	-
	30.168.952.316	(22.982.299.532)	7.186.652.784

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/9/2019	1/10/2018
	VND	VND
Chi phí dự phòng thuế	68.689.580.004	37.076.242.781
Chi phí lương và thưởng	22.458.770.000	23.755.410.000
Xây dựng cơ bản dở dang	21.579.861.989	19.168.204.030
Chi phí vận chuyển	-	36.448.531.522
Chi phí lãi vay	11.327.310.447	18.508.663.534
Chi phí tiền điện	242.293.646	10.652.297.935
Chi phí khác	671.073.401	2.610.674.468
	124.968.889.487	148.220.024.270

22. Phải trả ngắn hạn khác

	30/9/2019	1/10/2018
	VND	VND
Tài trợ nhập khẩu phải trả (*)	123.526.267.272	136.756.103.216
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu phải trả	109.826.375.736	25.996.753.725
Nhận ký quỹ ngắn hạn	13.910.435.118	21.763.098.327
Cổ tức phải trả	4.402.225.525	4.627.477.425
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.953.755.850	6.813.958.570
Phải trả khác	10.260.017.609	17.458.561.233
	263.879.077.110	213.415.952.496

(*) Tài trợ nhập khẩu phải trả là số tiền phải trả cho Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS L/C) cung cấp bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương với kỳ hạn trả chậm từ 90 đến 120 ngày. Nếu đến ngày đáo hạn, Tập đoàn không có đủ nguồn thanh toán, các khoản tiền này sẽ tự chuyển đổi thành khoản vay.

Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan

	30/9/2019	1/10/2018
	VND	VND
Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	863.000.000	895.000.000

Khoản phải trả khác cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/10/2018		Biến động trong năm		Chênh lệch tỷ giá VND	30/9/2019
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND		
Vay ngắn hạn	10.112.404.503.735	20.222.447.838.378	(24.348.251.677.877)	5.984.633.062.602	(1.967.601.634)	5.984.633.062.602
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	695.634.361.360	843.695.031.033	(870.196.968.857)	669.132.423.536	-	669.132.423.536
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (c)	71.821.064.792	58.402.608.514	(77.525.986.457)	52.697.686.849	-	52.697.686.849
	10.879.859.929.887	21.124.545.477.925	(25.295.974.633.191)	6.706.463.172.987	(1.967.601.634)	6.706.463.172.987

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	VND	1.994.915.518.201	2.355.648.043.629
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	USD	129.916.416.765	1.186.079.616.308
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	VND	1.567.097.214.485	966.390.647.671
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	USD	54.253.608.247	691.858.095.360
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	(iii)	VND	252.269.997.400	1.098.415.797.951
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	(iii)	USD	-	408.466.309.431
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	(iv)	VND	395.058.324.455	-
▪ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	(v)	VND	589.496.289.578	1.035.502.713.540
▪ Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	(vi)	USD	299.706.629.722	148.320.106.584
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(vii)	VND	-	390.501.383.564
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(vii)	USD	-	85.035.839.658
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(viii)	VND	132.961.671.917	135.900.000.000
▪ Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(ix)	VND	168.098.218.328	167.856.828.967
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(x)	USD	85.446.513.628	-
▪ Ngân hàng Malaysian Banking Berhad Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(xi)	VND	266.182.861.076	751.935.188.536
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	(xii)	VND	49.229.798.800	204.379.110.451
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	(xiii)	VND	-	125.000.000.000
▪ Ngân hàng Sumitomo Mitsui - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(xiv)	VND	-	108.024.412.792
▪ Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	(xv)	USD	-	105.972.454.533
▪ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	(xvi)	VND	-	50.117.954.760
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Phú Tài	(xvii)	VND	-	27.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	(xviii)	VND	-	17.000.000.000
▪ Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(xviii)	VND	-	53.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn				

5.984.633.062.602 10.112.404.503.735

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	Lãi suất 30/9/2019	Lãi suất 1/10/2018	Tài sản đảm bảo
i. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	VND USD	3.000 tỷ VND	5,50% - 6,30%	5,50%	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và phải thu của khách hàng
ii. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	VND USD	2.000 tỷ VND	3,60% 6,20%	2,70% - 2,90% 5,30% - 5,90%	Quyền sử dụng đất, máy móc và thiết bị và hàng tồn kho
iii. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	VND USD	2.000 tỷ VND	6,00%	5,50% - 5,85%	Phải thu của khách hàng
iv. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	VND	1.500 tỷ VND	6,00%	-	Hàng tồn kho
v. Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	50 triệu USD	5,80% - 6,15%	4,50% - 4,70%	Hàng tồn kho, máy móc và thiết bị, quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất
vi. Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	USD	500 tỷ VND	4,20%	3,20%	Không có tài sản đảm bảo
vii. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND USD	-	6,40% 3,70%	5,50% - 5,90% 2,90%	Quyền sử dụng đất, máy móc và thiết bị và hàng tồn kho
viii. Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND	6 triệu USD	5,90%	5,00%	Không có tài sản đảm bảo
ix. Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	VND	9 triệu USD	5,90% - 6,30%	4,20% - 4,50%	Hàng tồn kho
x. Ngân hàng Malaysian Banking Berhad - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	USD	6,6 triệu USD	4,20%	-	Không có tài sản đảm bảo
xi. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	VND	800 tỷ VND	6,40% - 6,50%	5,50%	Nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	Lãi suất		Tài sản đảm bảo
			30/9/2019	1/10/2018	
xii. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	VND	300 tỷ VND	5,50%	5,50%	Hàng tồn kho
xiii. Ngân hàng Sumitomo Mitsui - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND	-	6,40%	5,60%	Hàng tồn kho
xiv. Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	VND	-	5,95%	4,95% - 6,50%	Hàng tồn kho và quyền sử dụng đất
xv. Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	USD	-	3,00%	3,00%	Không có tài sản đảm bảo
xvi. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Phú Tài	VND	-	5,50% - 5,80%	5,50% - 5,80%	Hàng tồn kho và phải thu ngắn hạn của khách hàng
xvii. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	VND	-	5,10% - 5,50%	5,10% - 5,50%	Hàng tồn kho
xviii. Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND	-	5,85%	5,85%	Máy móc và thiết bị

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/9/2019	1/10/2018
	VND	VND
Vay dài hạn	3.583.459.745.822	4.135.888.386.927
Nợ thuê tài chính dài hạn (c)	124.502.217.778	93.543.586.603
	<hr/>	<hr/>
	3.707.961.963.600	4.229.431.973.530
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(721.830.110.385)	(767.455.426.152)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	2.986.131.853.215	3.461.976.547.378
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/9/2019	1/10/2018
				VND	VND
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	VND	2024 – 2026	2.628.554.307.862	3.035.984.375.157
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	VND	2022 – 2023	406.350.862.940	467.130.861.014
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	(iii)	VND	2024	330.863.669.442	302.181.929.656
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái	(iv)	VND	2025 – 2026	142.550.691.493	170.186.219.162
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	(v)	VND	2021	73.358.614.085	110.037.921.129
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	(vi)	VND	2020	1.781.600.000	9.396.578.000
▪ Ngân hàng TMCP Bản Việt	(vii)	VND	2019	-	9.291.229.500
▪ Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(viii)	VND	2019	-	27.083.333.345
▪ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Dương	(ix)	VND	2019	-	3.381.044.964
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Phú Tài	(x)	VND	2019	-	1.214.895.000
				3.583.459.745.822	4.135.888.386.927

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm là 8,8% đến 9%(1/10/2018: từ 8,3 đến 9%).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và hàng tồn kho và chịu lãi suất năm từ 7,5% đến 8,7% (1/10/2018: từ 8% đến 8,6%).
- (iii) Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm từ 8,95% đến 9,025% (1/10/2018: 8,95%).
- (iv) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và phương tiện vận tải và chịu lãi suất năm từ 9% đến 11% (1/10/2018: từ 9% đến 10%).
- (v) Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm là 8,8% (1/10/2018: 8,8%).
- (vi) Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải và chịu lãi suất năm từ 9,5% đến 10,01% (1/10/2018: 8,7%).
- (vii) Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải và chịu lãi suất năm là 10% (1/10/2018: 9%). Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.
- (viii) Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm từ 4,45% đến 8,39%. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.
- (ix) Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải và chịu lãi suất năm là 8%. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.
- (x) Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải và chịu lãi suất năm từ 8% đến 8,8%. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.

Công ty sử dụng các khoản vay dài hạn nhằm mục đích xây dựng và mua sắm tài sản cố định.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/9/2019		1/10/2018	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Tiền lãi thuế VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	61.714.978.238	9.017.291.389	5.147.253.819	71.821.064.792
Từ hai đến năm năm	77.991.799.125	6.187.268.196	1.117.452.125	21.722.521.811
	139.706.777.363	15.204.559.585	6.264.705.944	93.543.586.603

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
Số dư đầu năm	41.477.023.767	61.294.232.467
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 26)	4.092.340.379	53.266.556.487
Hoàn nhập quỹ chưa sử dụng hết của năm trước	1.702.655.525	-
Sử dụng quỹ trong năm	(2.369.220.240)	(73.083.765.187)
Số dư cuối năm	44.902.799.431	41.477.023.767

25. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
Số dư đầu năm	3.712.433.500	4.946.315.250
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(816.179.250)	(1.233.881.750)
Số dư cuối năm	2.896.254.250	3.712.433.500

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VN/D	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày							
1 tháng 10 năm 2017	3.499.966.830.000	151.583.183.521	-	34.535.741.195	1.446.534.555.355	37.181.622.614	5.169.801.932.685
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	409.234.037.922	(68.336.983)	409.165.700.939
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức	349.936.450.000	-	-	-	(349.936.450.000)	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(1.343.000.000)	-	-	-	(1.343.000.000)
Cổ tức	-	-	-	-	(349.957.383.000)	-	(349.957.383.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(53.266.556.487)	-	(53.266.556.487)
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	47.549.876.048	(47.549.876.048)	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(21.575.866.687)	-	-	(21.575.866.687)
Giảm do giải thể công ty con	-	-	-	-	-	(1.199.108.525)	(1.199.108.525)
Số dư tại ngày							
1 tháng 10 năm 2018	3.849.903.280.000	151.583.183.521	(1.343.000.000)	60.509.750.556	1.055.058.327.742	35.914.177.106	5.151.625.718.925
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	361.352.133.015	19.370.731	361.371.503.746
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức (*)	384.791.610.000	-	-	-	(384.791.610.000)	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(1.116.000.000)	-	-	-	(1.116.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.092.340.379)	-	(4.092.340.379)
Phân bổ vào quỹ (**)	-	-	-	6.138.510.569	(6.138.510.569)	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(11.021.590.990)	-	-	(11.021.590.990)
Tăng do tăng tỷ lệ sở hữu từ công ty liên kết thành công ty con	-	-	-	-	18.830.555	1.495.063.793	1.513.894.348
Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 6)	-	-	-	-	(126.055.813)	(29.873.944.187)	(30.000.000.000)
Số dư tại ngày							
30 tháng 9 năm 2019	4.234.694.890.000	151.583.183.521	(2.459.000.000)	55.626.670.135	1.021.280.774.551	7.554.667.443	5.468.281.185.650

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 6 tháng 5 năm 2019, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ nguồn cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức. Tổng số cổ phiếu đã phát hành là 38.479.161 cổ phiếu với mệnh giá 10.000/cổ phiếu.
- (**) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 19 tháng 3 năm 2019, Công ty đã trích lập 1,5% từ lợi nhuận thuần sau thuế vào Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu nhằm mục đích bổ sung thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị.

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/9/2019		1/10/2018	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	423.469.489	4.234.694.890.000	384.990.328	3.849.903.280.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	245.900	2.459.000.000	134.300	1.343.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	423.223.589	4.232.235.890.000	384.856.028	3.848.560.280.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động của vốn cổ phần trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày			
	30/9/2019		30/9/2018	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	384.856.028	3.848.560.280.000	349.996.683	3.499.966.830.000
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	38.479.161	384.791.610.000	34.993.645	349.936.450.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	(111.600)	(1.116.000.000)	(134.300)	(1.343.000.000)
Số dư cuối năm	423.223.589	4.232.235.890.000	384.856.028	3.848.560.280.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Trong vòng một năm	174.713.166.239	127.001.614.095
Từ hai đến năm năm	691.810.008.358	464.341.637.708
Trên năm năm	936.592.994.134	690.309.362.270
	1.803.116.168.731	1.281.652.614.073

(b) Ngoại tệ các loại

	30/9/2019		1/10/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.173.918	27.171.115.558	1.300.047	30.255.550.850
EUR	-	-	229	6.193.888
AUD	-	-	0,54	8.974
		27.171.115.558		30.261.753.712

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt chủ yếu liên quan đến việc mua sắm các máy móc mới phục vụ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn:

	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	435.509.258.887	960.466.484.424

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	15.030.026.425.745	18.305.584.471.715
▪ Bán hàng hóa	12.986.899.010.659	16.226.374.169.708
▪ Khác	64.378.346.684	38.385.915.741
	28.081.303.783.088	34.570.344.557.164
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	23.659.787.569	107.925.224.496
▪ Giảm giá hàng bán	9.171.395.550	4.354.455.644
▪ Hàng bán bị trả lại	13.697.481.294	16.635.528.763
	46.528.664.413	128.915.208.903
Doanh thu thuần	28.034.775.118.675	34.441.429.348.261

30. Giá vốn hàng bán

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	12.572.298.284.011	16.100.942.436.400
▪ Hàng hóa đã bán	12.236.475.821.882	14.344.645.503.779
▪ Khác	16.221.529.733	4.960.676.206
▪ Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11.159.401.046	13.741.472.000
	24.836.155.036.672	30.464.290.088.385

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
Lãi tiền gửi và lãi trái phiếu	5.777.871.781	5.714.196.627
Lãi từ các khoản đầu tư tài chính	-	102.139.227.474
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	57.382.872.754	71.645.469.380
Doanh thu tài chính khác	3.486.094	-
	63.164.230.629	179.498.893.481

32. Chi phí tài chính

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
Chi phí lãi vay	745.960.164.920	811.669.226.449
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	53.997.119.337	139.120.987.276
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.760.428.859	51.970.945.978
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-	(33.943.763.842)
Chi phí tài chính khác	917.028.756	1.915.310.041
	802.634.741.872	970.732.705.902

33. Chi phí bán hàng

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND (Đã phân loại lại)
Chi phí nhân viên	522.045.890.893	558.262.139.647
Chi phí xuất khẩu	348.900.692.741	565.999.087.040
Chi phí vận chuyển	173.731.390.239	242.295.552.021
Chi phí khấu hao và phân bổ	160.562.421.184	129.444.945.883
Chi phí thuê	150.613.054.991	101.856.042.602
Chi phí quảng cáo	104.833.777.549	114.127.564.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.322.072.588	112.412.613.044
Chi phí khác	194.873.541.055	208.599.569.717
	1.748.882.841.240	2.032.997.514.744

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019	30/9/2018
	VND	VND
		(Đã phân loại lại)
Chi phí nhân viên	161.329.163.316	279.167.507.341
Chi phí khấu hao và phân bổ	62.332.518.169	57.823.386.166
Chi phí thuê	33.393.007.713	46.932.844.724
Chi phí tiếp khách	15.927.101.970	20.000.778.643
Chi phí công tác	6.145.283.909	27.568.945.159
Chi phí dịch vụ chuyên môn	10.504.877.967	14.196.618.786
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.431.875.120	84.648.406.050
Chi phí khác	126.636.860.720	148.286.276.077
	470.700.688.884	678.624.762.946

35. Thu nhập khác

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019	30/9/2018
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	133.106.182.485	14.531.056.069
Tiền bồi thường thu được	11.903.268.643	27.495.810.933
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	860.445.175	-
Các khoản khác	107.296.370.992	14.873.355.227
	253.166.267.295	56.900.222.229

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019	30/9/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	19.695.126.527.602	20.637.165.889.138
Chi phí nhân công và nhân viên	928.732.894.854	1.201.586.419.867
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.187.362.709.449	1.019.509.865.101
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.570.894.855.005	2.199.477.887.113
Chi phí khác	919.372.729.606	1.255.823.599.675

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	111.147.114.682	95.720.855.600
Dự phòng thừa trong những năm trước	(9.101.584.118)	-
	102.045.530.564	95.720.855.600
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(1.347.738.189)	24.297.904.363
	100.697.792.375	120.018.759.963

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	462.069.296.121	529.184.460.902
Thuế theo thuế suất của Công ty	92.413.859.224	105.836.892.180
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(10.814.897.914)	(8.056.940.190)
Chi phí không được khấu trừ thuế	19.557.409.092	29.357.952.102
Ưu đãi thuế	(25.950.324.403)	(27.661.557.507)
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp chưa được ghi nhận	34.593.330.494	20.542.413.378
Dự phòng thừa trong những năm trước	(9.101.584.118)	-
	100.697.792.375	120.018.759.963

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất từ 10% đến 20% trên lợi nhuận tính thuế. Cụ thể như sau:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.
- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An và Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi các công ty con này phát sinh doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Các công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo.
- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 17% lợi nhuận tính thuế trong 10 năm kể từ năm 2016 và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.
- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ và Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 17% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư của Công ty có doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.
- Các công ty con khác có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	361.352.133.015	409.234.037.922
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(14.454.085.321)	(16.369.361.517)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	346.898.047.694	392.864.676.405

(*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính bằng 4% lợi nhuận thuần trong năm của Tập đoàn. Tỷ lệ này bằng với tỷ lệ phân bổ được các cổ đông phê duyệt trong các năm trước.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 Số cổ phiếu	30/9/2018 Số cổ phiếu Được điều chỉnh lại (**)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	384.856.028	349.996.683
Ảnh hưởng của mua lại cổ phiếu quỹ	(43.358)	(134.300)
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng trong năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018	-	34.993.645
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng trong năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019	38.479.161	38.485.603
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	423.291.831	423.341.631

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm kết thúc ngày		
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND Được điều chỉnh lại (**)	30/9/2018 VND Theo báo cáo trước đây
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	820	928	1.090

(**) Việc điều chỉnh lại phản ánh ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức sau kỳ kế toán năm. Trong đó ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng trong năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 làm giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu từ 1.090 VND/cổ phiếu xuống 1.021 VND/cổ phiếu và ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng trong năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 làm giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu từ 1.021 VND/cổ phiếu xuống 928 VND/cổ phiếu.

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen		
Bán hàng hóa và thành phẩm	4.260.734.635.552	6.753.479.410.892
Mua hàng hóa và thành phẩm	424.424.089.519	2.131.904.449.532
Doanh thu cho thuê tài sản	4.198.466.388	1.828.130.909
Bán khác	5.333.866.590	2.415.025.724
Bán tài sản cố định	32.476.307.578	40.961.909.490
Mua tài sản cố định	202.978.077.818	1.515.541.822
Mua công cụ, dụng cụ	36.378.797.956	-
Chiết khấu thương mại	3.364.556.991	44.875.174.015
Phí vận chuyển	50.923.795.458	48.851.726.662
Chi phí thuê hoạt động	5.977.669.234	539.338.900
Hàng bán trả lại	3.014.517.004	3.595.809.964
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An		
Phí vận chuyển	37.507.194.539	64.778.733.985
Doanh thu cho thuê tài sản	312.000.000	360.000.000
Các bên liên quan khác		
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	12.037.488.915	18.380.164.144
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Thù lao	2.340.000.000	2.270.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019	30/9/2018
	VND	VND
Chuyển đổi công nợ phải thu để tăng tỷ lệ sở hữu	68.564.000.000	-
Cần trừ phải thu từ bán tài sản cố định và thu từ nợ gốc thuê tài chính	43.844.985.060	29.681.479.462
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	174.866.812.780	282.686.249.792

41. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018.

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính của năm hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Mã số	Năm kết thúc ngày	
		30/9/2018	30/9/2018
		VND	VND
		(đã phân loại lại)	(theo báo cáo trước đây)
Chi phí bán hàng	25	2.032.997.514.744	1.816.042.397.184
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	678.624.762.946	895.579.880.506

Ngày 20 tháng 12 năm 2019

Người lập


 Nguyễn Thị Thanh Tuyền
 Kế toán

Người duyệt


 Nguyễn Thị Ngọc Lan
 Kế toán trưởng




 Trần Quốc Trí
 Tổng Giám đốc